

THÔNG BÁO

Kết quả kiểm tra hồ sơ xét tuyển đào tạo sau đại học năm 2025

Căn cứ kế hoạch tuyển sinh năm 2025, Trường Đại học Tây Nguyên thông báo kết quả kiểm tra hồ sơ xét tuyển đào tạo sau đại học năm 2025 như sau:

1. Danh sách thí sinh và kết quả kiểm tra hồ sơ:

Có danh sách kèm theo.

2. Quy đổi điểm

Điểm quy đổi của thí sinh được quy đổi từ điểm trung bình chung học tập ở bậc Đại học (căn cứ theo bảng kết quả học tập do thí sinh cung cấp kèm theo hồ sơ xét tuyển) như sau:

+ Quy đổi từ thang điểm 10: Điểm quy đổi = Điểm TBC học tập (hệ số 10) x 3

+ Quy đổi từ thang điểm 4 (áp dụng với các trường hợp không xác định được điểm TBC hệ số 10): Điểm quy đổi = Điểm TBC (hệ số 4) x (10/4) x 3

+ Quy đổi từ kết quả xếp loại tốt nghiệp (áp dụng với trường hợp không xác định được điểm TBC): Điểm quy đổi = Điểm TBCTN x 3, trong đó điểm TBCTN được xác định theo bảng sau:

Xếp loại	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình khá	Trung bình
Điểm	9.5	8	7	6	5

3. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

Chính sách ưu tiên đối tượng tuyển sinh và khu vực tuyển sinh áp dụng theo Quy chế tuyển sinh trình độ Đại học hiện hành.

4. Phương thức xét tuyển

- Thí sinh được xác định đủ điều kiện để tham gia xét tuyển khi đạt các yêu cầu sau:

+ Đạt yêu cầu về năng lực Tiếng Anh theo quy định.

+ Thí sinh không phải học bổ sung kiến thức hoặc đã hoàn thành chương trình học bổ sung kiến thức (xếp loại đạt).

- Điểm xét tuyển: Điểm xét tuyển của thí sinh = Điểm quy đổi + Điểm ưu tiên (nếu có).

Trong đó điểm ưu tiên được xác định theo quy định trong Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành.

- Cách xét tuyển:

+ Chỉ những thí sinh đạt đủ các điều kiện để tham gia xét tuyển mới được xét tuyển.



Handwritten signature.

+ Thí sinh trúng tuyển được xác định dựa trên điểm xét tuyển được xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu đã công bố (theo ngành tuyển sinh).

5. Yêu cầu đối với thí sinh

Thí sinh kiểm tra thông tin xét tuyển của mình theo danh sách kèm theo, nếu phát hiện có sai sót về thông tin xét tuyển (điểm quy đổi, đối tượng ưu tiên ...) đề nghị phản hồi về Phòng Đào tạo (kèm theo minh chứng, nếu có) trước ngày 13/12/2025 thông qua email tuyensinh@ttn.edu.vn hoặc zalo 096 561 4445 để được điều chỉnh theo quy định. Sau thời gian trên nếu không nhận được phản hồi, Nhà trường xem như thí sinh đã đồng ý với kết quả kiểm tra hồ sơ và tiến hành thực hiện xét tuyển và gọi nhập học theo quy định.

Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ với Phòng Đào tạo, Tầng 1, Tòa nhà điều hành, Trường Đại học Tây Nguyên, số 567 Lê Duẩn, Phường EaKao, tỉnh Đắk Lắk, điện thoại 0262.3817397, website: <http://tuyensinh.ttn.edu.vn>, Hotline/Zalo: 096 516 44 45. *dd*

Nơi nhận:

- Các Khoa đào tạo;
- Các đơn vị liên kết;
- Lưu: VT, ĐT(Hi 03b).



TS. Nguyễn Thanh Trúc

KẾT QUẢ KIỂM TRA HỒ SƠ XÉT TUYỂN SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025

STT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Khu vực	Đối tượng	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Năng lực ngoại ngữ	Bổ sung kiến thức	Điểm TBĐH	Điểm quy đổi	Điểm khu vực	Điểm đối tượng	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Giáp	Nam	Kinh	3		27/06/1985	Quảng Trị	Sinh học thực nghiệm	Vắng	Không phải học	6.24	18.72	0		0	18.72	
2	Đặng Tiểu My	Nữ	Kinh	3		29/07/1996	Đắk Lắk	Sinh học thực nghiệm	Đạt	Không phải học	6.8	20.4	0		0	20.4	
3	Bùi Thị Ánh Phương	Nữ	Kinh	3		02/08/1996	Đắk Lắk	Sinh học thực nghiệm	Đạt	Không phải học	6.39	19.17	0		0	19.17	
4	Nguyễn Thị Thu	Nữ	Kinh	3		01/08/2003	Lâm Đồng	Sinh học thực nghiệm	Miễn	Không phải học	8.23	24.69	0		0	24.69	
5	Đinh Thị Thuý Trinh	Nữ	Kinh	3		08/12/1997	Quảng Ngãi	Sinh học thực nghiệm	Vắng	Không phải học	7.72	23.16	0		0	23.16	
6	Nguyễn Ngô Khánh Trinh	Nam	Kinh	3		31/12/2003	Thừa Thiên Huế	Sinh học thực nghiệm	Miễn	Không phải học	7.72	23.16	0		0	23.16	
7	Phan Huỳnh Nguyễn	Nam	Kinh	3		01/4/1998	Đắk Lắk	Sinh học thực nghiệm	Miễn	Không phải học	6.93	20.79	0		0	20.79	
8	Hoàng Thị Thuý Anh	Nữ	Kinh	3		03/06/2003	Đắk Lắk	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	7.91	23.73	0		0	23.73	
9	Lại Lê Lan Anh	Nữ	Kinh	3		29/11/2003	Đắk Lắk	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	8.1	24.3	0		0	24.3	
10	Lê Thị Vân Anh	Nữ	Kinh	3		03/06/2003	Đắk Lắk	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	7.73	23.19	0		0	23.19	
11	Nguyễn Hà Kiều Anh	Nữ	Kinh	3		13/07/2003	Đắk Lắk	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	8.13	24.39	0		0	24.39	
12	Trần Thị Kim Anh	Nữ	Kinh	3		20/08/2003	Đắk Lắk	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	7.91	23.73	0		0	23.73	
13	Nguyễn Thị Cẩn	Nữ	Kinh	3		25/12/2002	Đắk Lắk	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	7.77	23.31	0		0	23.31	
14	Phạm Lan Chi	Nữ	Kinh	3		22/10/2003	Đắk Lắk	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	8.65	25.95	0		0	25.95	
15	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	Nữ	Tây	3	06a	08/03/2003	Đắk Lắk	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	7.21	21.63	0	1	1	22.63	
16	Nguyễn Hoàng Diệu	Nam	Kinh	3		27/11/1999	Đắk Lắk	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	7.53	22.59	0		0	22.59	
17	Trần Thị Mỹ Duyên	Nữ	Kinh	3		01/05/2003	Đắk Nông	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	7.37	22.11	0		0	22.11	
18	Ngô Thị Hồng Hà	Nữ	Kinh	3		02/03/2003	Bình Phước	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	7.57	22.71	0		0	22.71	
19	Trần Thị Hồng Hạnh	Nữ	Kinh	3		04/05/2003	Nam Định	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	7.41	22.23	0		0	22.23	
20	Đinh Thị Hiếu	Nữ	Kinh	3		19/07/2002	Đắk Lắk	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	8.21	24.63	0		0	24.63	
21	Nguyễn Đình Hoàng	Nam	Kinh	3		27/12/2000	Đắk Lắk	Toán giải tích	Đạt	Không phải học	7.3	21.9	0		0	21.9	
22	Vũ Xuân Hùng	Nam	Kinh	3		03/03/1998	Đắk Lắk	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	7.06	21.18	0		0	21.18	
23	Nguyễn Kim Huy	Nam	Kinh	3		08/07/2003	Đắk Lắk	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	6.9	20.7	0		0	20.7	
24	Phan Thái Đăng Khoa	Nam	Kinh	3		08/11/2000	Lâm Đồng	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	6.21	18.63	0		0	18.63	
25	Tạ Mai Linh	Nữ	Kinh	3		16/07/2003	Đắk Lắk	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	8.55	25.65	0		0	25.65	
26	Đào Thị Loan	Nữ	Kinh	3		12/08/2003	Lâm Đồng	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	7.97	23.91	0		0	23.91	
27	Nguyễn Văn Lợi	Nam	Kinh	3		01/02/1987	Đà Nẵng	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	6.23	18.69	0		0	18.69	
28	Nguyễn Ngọc Mai	Nữ	Kinh	3		24/03/1993	Đắk Lắk	Toán giải tích	Đạt	Không phải học	6.87	20.61	0		0	20.61	
29	Nguyễn Quỳnh Mai	Nữ	Kinh	3		18/08/2003	Gia Lai	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	7.74	23.22	0		0	23.22	
30	Võ Thị Tuyết Mai	Nữ	Kinh	3	06b	15/08/1998	Lâm Đồng	Toán giải tích	Đạt	Không phải học	7.52	22.56	0	1	0.99	23.55	
31	Huỳnh Thảo My	Nữ	Kinh	3		21/08/2003	Đắk Lắk	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	8	24	0		0	24	
32	Nguyễn Thị Trà My	Nữ	Kinh	3		01/11/2003	Đắk Nông	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	7.03	21.09	0		0	21.09	

ml

STT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Khu vực	Đối tượng	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Năng lực ngoại ngữ	Bổ sung kiến thức	Điểm TBĐH	Điểm quy đổi	Điểm khu vực	Điểm đối tượng	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
33	Hoàng Thảo Nguyên	Nữ	Kinh	3		08/12/2003	Thanh Hoá	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	7.29	21.87	0		0	21.87	
34	Nguyễn Hoàng Trọng Nguyên	Nam	Kinh	3		19/05/2003	Đắk Nông	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	6.71	20.13	0		0	20.13	
35	Hoàng Trần Hà Nhi	Nữ	Kinh	3		19/12/2003	Đắk Lắk	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	7.23	21.69	0		0	21.69	
36	Nguyễn Thị Mai Phương	Nữ	Kinh	3		17/05/2003	Đắk Lắk	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	7.37	22.11	0		0	22.11	
37	Dương Nhật Thực Quyền	Nữ	Kinh	3		14/01/2003	Khánh Hoà	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	8.11	24.33	0		0	24.33	
38	Đỗ Thị Thanh Tâm	Nữ	Kinh	3		25/10/2003	Đắk Lắk	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	8.06	24.18	0		0	24.18	
39	Trần Thị Thanh Tâm	Nữ	Kinh	3		20/08/2003	Đắk Lắk	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	8.12	24.36	0		0	24.36	
40	Đoàn Thị Ngọc Thảo	Nam	Kinh	3		18/09/2000	Đắk Lắk	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	6.74	20.22	0		0	20.22	
41	Nguyễn Văn Thịnh	Nam	Kinh	3		19/08/2000	Khánh Hoà	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	7.57	22.71	0		0	22.71	
42	Bùi Thị Yến Thu	Nữ	Kinh	3		06/10/2003	Đắk Lắk	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	7.38	22.14	0		0	22.14	
43	Đào Thị Thu Trang	Nữ	Kinh	3		23/03/2003	Đắk Lắk	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	7.32	21.96	0		0	21.96	
44	Đỗ Thu Trang	Nữ	Kinh	3		28/04/2003	Đắk Lắk	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	7.78	23.34	0		0	23.34	
45	Phạm Thị Phương Trang	Nữ	Kinh	3		11/10/2001	Đắk Lắk	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	7.97	23.91	0		0	23.91	
46	Phù Chí Trí	Nam	Kinh	3		12/09/1990	Đắk Lắk	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	7.71	23.13	0		0	23.13	
47	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	Nữ	Kinh	3		16/02/2002	Đắk Lắk	Toán giải tích	Đạt	Không phải học	7.98	23.94	0		0	23.94	
48	Nguyễn Thị Cẩm Vân	Nữ	Kinh	3		02/08/2002	Đắk Lắk	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	7.27	21.81	0		0	21.81	
49	Nguyễn Thị Thảo Vy	Nữ	Kinh	3		13/03/2003	Gia Lai	Toán giải tích	Miễn	Không phải học	8.01	24.03	0		0	24.03	
50	Thái Thị Xuân Sang	Nữ	Kinh	3		10/11/1994	Lâm Đồng	Toán giải tích	Vắng	Không phải học	6.71	20.13	0		0	20.13	
51	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	Nữ	Kinh	3		02/01/2003	Đắk Lắk	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Miễn	Không phải học	7.55	22.65	0		0	22.65	
52	Đinh Trung Đức	Nam	Kinh	3		21/01/2003	Đắk Lắk	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Miễn	Không phải học	7.62	22.86	0		0	22.86	
53	Phan Mỹ Hào	Nữ	Kinh	3		18/01/1996	Quảng Nam	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Đạt	Không phải học	8.44	25.32	0		0	25.32	
54	Nguyễn Võ Ngọc Hiệp	Nữ	Kinh	3		12/12/2003	Đắk Lắk	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Miễn	Không phải học	8.22	24.66	0		0	24.66	
55	Phạm Hưng Đại Khuê	Nam	Kinh	3		10/07/2003	Đắk Lắk	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Miễn	Không phải học	7.31	21.93	0		0	21.93	
56	Nguyễn Thị Mai	Nữ	Kinh	3		19/06/1997	Đắk Lắk	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Vắng	Không phải học	6.68	20.04	0		0	20.04	
57	Trần Thị Hồng Nhung	Nữ	Kinh	3		29/11/2003	Đắk Lắk	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Miễn	Không phải học	8.55	25.65	0		0	25.65	
58	Y Quốc	Nam	Mnong	3	06a	11/11/2003	Đắk Lắk	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Miễn	Không phải học	7.43	22.29	0	1	1	23.29	
59	Võ Thị Thu Thủy	Nữ	Kinh	3		05/09/2003	Đắk Lắk	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Miễn	Không phải học	7.62	22.86	0		0	22.86	
60	Cao Thị Minh Thu	Nữ	Kinh	3		05/04/1996	Đắk Lắk	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Vắng	Không phải học	8.2	24.6	0		0	24.6	
61	Nguyễn Cẩm Trang	Nữ	Kinh	3		17/05/1999	Đắk Lắk	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Vắng	Không phải học	8.1	24.3	0		0	24.3	
62	Nguyễn Thanh Hiến	Nam	Kinh	3		10/03/1996	Đắk Lắk	Khoa học y sinh	Miễn	Đạt	3.57	26.78	0		0	26.78	
63	Trần Văn Hùng	Nam	Kinh	3		10/09/2001	Lâm Đồng	Khoa học y sinh	Vắng	Không đạt	9.2	27.6	0		0	27.6	
64	Nguyễn Thị Lan	Nữ	Kinh	3		20/05/1990	Đắk Lắk	Khoa học y sinh	Đạt	Đạt	3.07	23.03	0		0	23.03	
65	Đặng Thị Khánh Linh	Nữ	Kinh	3		06/04/2000	Lâm Đồng	Khoa học y sinh	Miễn	Không phải học	7.44	22.32	0		0	22.32	
66	Võ Thành Nam	Nam	Kinh	3		16/04/1993	Đắk Lắk	Khoa học y sinh	Đạt	Đạt	8.61	25.83	0		0	25.83	
67	Dương Công Tú	Nam	Kinh	3		25/11/1990	Quảng Bình	Khoa học y sinh	Đạt	Đạt	8.57	25.71	0		0	25.71	
68	Cao Thị Bích Tuyết	Nữ	Kinh	3		24/10/2002	Đắk Lắk	Khoa học y sinh	Miễn	Đạt	7.09	21.27	0		0	21.27	

STT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Khu vực	Đối tượng	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Năng lực ngoại ngữ	Bổ sung kiến thức	Điểm TBĐH	Điểm quy đổi	Điểm khu vực	Điểm đối tượng	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
69	Đặng Thị Ánh Tuyết	Nữ	Kinh	3		13/09/1988	Đắk Lắk	Khoa học y sinh	Đạt	Đạt	7.88	23.64	0		0	23.64	
70	Phạm Hải Trung	Nữ	Kinh	3		03/07/1989	Đắk Lắk	Khoa học y sinh	Miễn	Đạt	7.41	22.23	0		0	22.23	
71	Dương Chính Nghĩa	Nam	Kinh	3		20/05/1981	Gia Lai	Khoa học y sinh	Miễn	Không phải học	6.92	20.76	0		0	20.76	
72	Nguyễn Văn Hồng	Nam	Kinh	3		04/08/1983	Đắk Lắk	Khoa học y sinh	Vắng	Không phải học	7.36	22.08	0		0	22.08	
73	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	Kinh	3		26/07/1998	Đắk Lắk	Thú y	Vắng	Không phải học	7.75	23.25	0		0	23.25	
74	Nguyễn Duy Cảnh	Nam	Kinh	3		24/04/1989	Hà Tĩnh	Thú y	Đạt	Không phải học	7.58	22.74	0		0	22.74	
75	Nguyễn Thị Dịu	Nữ	Kinh	3		18/09/1997	Hung yên	Thú y	Miễn	Không phải học	8.19	24.57	0		0	24.57	
76	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	Kinh	3		20/12/1985	Thừa Thiên Huế	Thú y	Đạt	Không phải học	8.02	24.06	0		0	24.06	
77	Phan Minh Hà	Nam	Kinh	3		23/10/1983	Gia Lai	Thú y	Đạt	Không phải học	6.3	18.9	0		0	18.9	
78	Đặng Minh Hoàng	Nam	Kinh	3		29/11/1995	Đắk Lắk	Thú y	Đạt	Không phải học	6.61	19.83	0		0	19.83	
79	Nguyễn Thị Mai	Nữ	Kinh	3		23/01/2000	Thái Bình	Thú y	Miễn	Không phải học	7.66	22.98	0		0	22.98	
80	Dương Thị Nguyễn	Nữ	Kinh	3		15/08/2002	Đắk Lắk	Thú y	Miễn	Không phải học	7.05	21.15	0		0	21.15	
81	Trần Thị Như Quỳnh	Nữ	Kinh	3		19/05/1990	Đắk Lắk	Thú y	Đạt	Không phải học	7.65	22.95	0		0	22.95	
82	Nguyễn Thị Kim Thuý	Nữ	Kinh	3		05/09/1995	Đà Nẵng	Thú y	Đạt	Không phải học	8	24	0		0	24	
83	Dương Dư Trọng Trác	Nam	Kinh	3		10/10/1999	Đắk Lắk	Thú y	Đạt	Không phải học	6.66	19.98	0		0	19.98	
84	Đình Thị Trâm	Nữ	Kinh	3		07/04/1995	Quảng Bình	Thú y	Miễn	Không phải học	8.83	26.49	0		0	26.49	
85	Trịnh Thị Thu Thảo	Nữ	Kinh	3		05/2/2000	Đắk Lắk	Thú y	Miễn	Không phải học	7.16	21.48	0		0	21.48	
86	Lê Khắc Hưng	Nam	Kinh	3		10/08/1988	Thanh Hóa	Khoa học cây trồng	Đạt	Đạt	7.3	21.9	0		0	21.9	
87	Trần Văn Lập	Nam	Kinh	3		12/12/1975	Đắk Lắk	Khoa học cây trồng	Đạt	Không phải học	6.78	20.34	0		0	20.34	
88	Nguyễn Quang Linh	Nam	Kinh	3		02/02/2002	Đắk Lắk	Khoa học cây trồng	Miễn	Không phải học	6.88	20.64	0		0	20.64	
89	Chu Thị Khánh Lý	Nữ	Kinh	3		02/5/1998	Đắk Lắk	Khoa học cây trồng	Miễn	Không phải học	7.41	22.23	0		0	22.23	
90	Cao Chánh Nghĩa	Nam	Kinh	3		23/03/1995	Gia Lai	Khoa học cây trồng	Vắng	Không phải học	6.36	19.08	0		0	19.08	
91	Nguyễn Đình Bình An	Nam	Kinh	3		18/10/2003	Đắk Lắk	Ngôn ngữ học	Miễn	Không đạt	7.41	22.23	0		0	22.23	
92	Trịnh Nguyễn Ngọc Anh	Nữ	Kinh	3		01/07/1999	Đắk Lắk	Ngôn ngữ học	Đạt	Không phải học	7.64	22.92	0		0	22.92	
93	Trần Mỹ Bình	Nữ	Kinh	3		22/08/2003	Đắk Lắk	Ngôn ngữ học	Miễn	Đạt	8.18	24.54	0		0	24.54	
94	Nguyễn Thị Linh Chi	Nữ	Kinh	3		23/05/2003	Hà Tĩnh	Ngôn ngữ học	Miễn	Không đạt	7.47	22.41	0		0	22.41	
95	Lê Nguyên Phương Dung	Nữ	Kinh	3		22/11/1998	Đắk Lắk	Ngôn ngữ học	Miễn	Đạt	2.75	20.63	0		0	20.63	
96	Nguyễn Thuý Dương	Nữ	Kinh	3		14/04/2003	Đắk Lắk	Ngôn ngữ học	Đạt	Đạt	8.48	25.44	0		0	25.44	
97	Trịnh Đình Đình	Nữ	Thái	3	06a	22/12/2003	Đắk Lắk	Ngôn ngữ học	Miễn	Đạt	8.39	25.17	0	1	0.64	25.81	
98	Hoàng Ngọc Hân	Nữ	Kinh	3		05/11/2003	TPHCM	Ngôn ngữ học	Miễn	Đạt	7.15	21.45	0		0	21.45	
99	H Kim	Nữ	Mnong	3	06a	02/03/1976	Đắk Lắk	Ngôn ngữ học	Vắng	Không đạt	7.02	21.06	0	1	1	22.06	
100	H Béla Knul	Nữ	Ê Đê	3	06a	01/01/1985	Đắk Lắk	Ngôn ngữ học	Đạt	Đạt	7.29	21.87	0	1	1	22.87	
101	Võ Hoàng Bảo Linh	Nữ	Kinh	3		12/06/2003	Đắk Lắk	Ngôn ngữ học	Miễn	Đạt	7.86	23.58	0		0	23.58	
102	H Vương Mlo	Nữ	Ê Đê	3	06a	17/07/2000	Đắk Lắk	Ngôn ngữ học	Miễn	Đạt	7.19	21.57	0	1	1	22.57	
103	Y Dlong Niê	Nam	Ê Đê	3	06a	12/05/1980	Đắk Lắk	Ngôn ngữ học	Đạt	Đạt	6.13	18.39	0	1	1	19.39	
104	Vũ Thị Nhâm	Nữ	Kinh	3		28/04/1992	Nam Định	Ngôn ngữ học	Đạt	Không phải học	8.41	25.23	0		0	25.23	

STT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Khu vực	Đối tượng	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Năng lực ngoại ngữ	Bổ sung kiến thức	Điểm TĐDH	Điểm quy đổi	Điểm khu vực	Điểm đối tượng	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
105	Hoàng Minh Nhật	Nam	Kinh	3		14/07/2001	Đắk Lắk	Ngôn ngữ học	Miễn	Đạt	6.48	19.44	0		0	19.44	
106	Mai Thị Yến Nhi	Nữ	Kinh	3		15/05/2003	Lâm Đồng	Ngôn ngữ học	Miễn	Đạt	7.59	22.77	0		0	22.77	
107	Lê Quỳnh Như	Nữ	Kinh	3		10/05/2002	Đắk Lắk	Ngôn ngữ học	Miễn	Không phải học	8.25	24.75	0		0	24.75	
108	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	Nữ	Kinh	3		13/08/2003	Đắk Lắk	Ngôn ngữ học	Miễn	Đạt	7.01	21.03	0		0	21.03	
109	Nguyễn Ngọc Thảo Sương	Nữ	Kinh	3		12/01/2003	Đắk Lắk	Ngôn ngữ học	Miễn	Đạt	8.36	25.08	0		0	25.08	
110	Trần Phương Thảo	Nữ	Kinh	3		12/10/2002	Đắk Lắk	Ngôn ngữ học	Miễn	Đạt	6.99	20.97	0		0	20.97	
111	H Thuý	Nữ	Ê Đê	3	06a	22/10/2003	Đắk Lắk	Ngôn ngữ học	Vắng	Không đạt	6.7	20.1	0	1	1	21.1	
112	Nguyễn Thị Trang	Nữ	Kinh	3		28/08/2002	Đắk Lắk	Ngôn ngữ học	Miễn	Đạt	7.92	23.76	0		0	23.76	
113	Vũ Thị Tổ Trân	Nữ	Kinh	3		16/03/2001	Đắk Lắk	Ngôn ngữ học	Miễn	Không phải học	7.55	22.65	0		0	22.65	
114	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Nữ	Kinh	3		08/09/2002	Đắk Lắk	Ngôn ngữ học	Miễn	Đạt	7.07	21.21	0		0	21.21	
115	H' En-Ny Buôn Krông	Nữ	Ê Đê	3	06a	22/10/2003	Đắk Lắk	Ngôn ngữ học	Miễn	Đạt	7.62	22.86	0	1	0.95	23.81	
116	Nguyễn Trung Kiên	Nam	Kinh	3		19/09/2001	Gia Lai	Ngôn ngữ học	Miễn	Không đạt	6.45	19.35	0		0	19.35	
117	Vũ Thị Nga	Nữ	Kinh	3		09/6/1983	Nam Hà	Ngôn ngữ học	Đạt	Đạt	6.72	20.16	0		0	20.16	
118	Trương Kim Ánh	Nữ	Kinh	3		09/01/2000	Đắk Lắk	Quản lý kinh tế	Đạt	Đạt	2.55	19.13	0		0	19.13	
119	Đinh Thị Tiên Dung	Nữ	Kinh	3		06/10/0199	Đắk Lắk	Quản lý kinh tế	Đạt	Đạt	2.56	19.2	0		0	19.2	
120	Phạm Tiến Đạt	Nam	Kinh	3		26/07/1986	Đắk Lắk	Quản lý kinh tế	Đạt	Đạt	6.1	18.3	0		0	18.3	
121	Nguyễn Thị Trà Giang	Nữ	Kinh	3		15/08/1999	Đắk Lắk	Quản lý kinh tế	Đạt	Đạt	2.26	16.95	0		0	16.95	
122	Phạm Nguyễn Thu Hà	Nữ	Kinh	3		26/02/2002	Đắk Lắk	Quản lý kinh tế	Miễn	Đạt	7.09	21.27	0		0	21.27	
123	Bùi Thị Hạnh	Nữ	Kinh	3		10/10/1994	Thái Bình	Quản lý kinh tế	Đạt	Đạt	2.25	16.88	0		0	16.88	
124	Nguyễn Ngọc Gia Hân	Nữ	Kinh	3		16/11/2003	Đắk Lắk	Quản lý kinh tế	Miễn	Đạt	7.23	21.69	0		0	21.69	
125	Nguyễn Thị Ngọc Huýnh	Nữ	Kinh	3		03/05/2001	Đắk Lắk	Quản lý kinh tế	Miễn	Đạt	6.94	20.82	0		0	20.82	
126	Nguyễn Hữu Hưng	Nam	Kinh	3		17/05/1993	Nghệ An	Quản lý kinh tế	Đạt	Đạt	8.63	25.89	0		0	25.89	
127	Võ Nữ Quỳnh Lê	Nữ	Kinh	3		26/12/2003	Đắk Lắk	Quản lý kinh tế	Miễn	Đạt	8.89	26.67	0		0	26.67	
128	Nguyễn Thị Hồng Liên	Nữ	Kinh	3		06/09/1996	Đắk Lắk	Quản lý kinh tế	Đạt	Đạt	2.66	19.95	0		0	19.95	
129	Lê Nhật Linh	Nữ	Kinh	3		13/04/1999	Đắk Lắk	Quản lý kinh tế	Đạt	Đạt	6.91	20.73	0		0	20.73	
130	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Nữ	Kinh	3		01/01/2000	Đắk Lắk	Quản lý kinh tế	Miễn	Đạt	7.24	21.72	0		0	21.72	
131	Nguyễn Thị Thuý Linh	Nữ	Kinh	3		02/01/2003	Đắk Lắk	Quản lý kinh tế	Miễn	Đạt	6.79	20.37	0		0	20.37	
132	Nguyễn Phi Long	Nam	Kinh	3		05/11/1988	Đắk Lắk	Quản lý kinh tế	Đạt	Đạt	7.8	23.4	0		0	23.4	
133	Lý Phạm Ngọc Minh	Nam	Kinh	3		16/01/2003	Đắk Lắk	Quản lý kinh tế	Miễn	Đạt	8.33	24.99	0		0	24.99	
134	Nguyễn Thị Minh	Nữ	Kinh	3		08/05/2001	Quảng Nam	Quản lý kinh tế	Miễn	Đạt	7.17	21.51	0		0	21.51	
135	Nguyễn Thị Hà My	Nữ	Kinh	3		22/03/2002	Đắk Lắk	Quản lý kinh tế	Miễn	Đạt	7	21	0		0	21	
136	Nguyễn Yến Nhân	Nữ	Kinh	3		21/06/1997	Đắk Lắk	Quản lý kinh tế	Đạt	Đạt	6.86	20.58	0		0	20.58	
137	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Nữ	Kinh	3		22/09/1985	Đắk Lắk	Quản lý kinh tế	Đạt	Đạt	6.53	19.59	0		0	19.59	
138	Lương Minh Quân	Nữ	Kinh	3		22/12/2001	Đắk Lắk	Quản lý kinh tế	Miễn	Đạt	6.92	20.76	0		0	20.76	
139	Trần Văn Tiến	Nam	Kinh	3		27/05/2002	Đắk Lắk	Quản lý kinh tế	Miễn	Đạt	7.2	21.6	0		0	21.6	
140	Trịnh Đình Tuấn	Nam	Kinh	3		13/09/2002	Đắk Lắk	Quản lý kinh tế	Đạt	Đạt	2.62	19.65	0		0	19.65	

STT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Khu vực	Đối tượng	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Năng lực ngoại ngữ	Bổ sung kiến thức	Điểm TBĐH	Điểm quy đổi	Điểm khu vực	Điểm đối tượng	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
141	Trịnh Thị Thanh Thanh	Nữ	Kinh	3		23/11/1995	Đắk Lắk	Quản lý kinh tế	Đạt	Đạt	7.22	21.66	0		0	21.66	
142	Lê Thị Huyền Trang	Nữ	Kinh	3		26/10/1987	Gia Lai	Quản lý kinh tế	Vắng	Không đạt	6.87	20.61	0		0	20.61	
143	Trà Thị Thuỳ Trang	Nữ	Kinh	3		24/06/1999	Đắk Lắk	Quản lý kinh tế	Đạt	Đạt	8.57	25.71	0		0	25.71	
144	Lê Vương Thảo Uyên	Nữ	Kinh	3		01/11/2003	Đắk Lắk	Quản lý kinh tế	Đạt	Đạt	7.46	22.38	0		0	22.38	
145	Trần Phương Thảo	Nữ	Kinh	3		23/04/2002	Đắk Lắk	Quản lý kinh tế	Miễn	Đạt	7.92	23.76	0		0	23.76	
146	Nguyễn Thị Kim Liên	Nữ	Kinh	3		03/6/1986	Thanh Hoá	Quản lý kinh tế	Đạt	Đạt	6.04	18.12	0		0	18.12	
147	Dương Ngọc Minh	Nam	Kinh	3		12/03/1998	Đắk Lắk	Quản lý kinh tế	Đạt	Đạt	6.18	18.54	0		0	18.54	
148	Trần Văn Nam	Nam	Kinh	3		20/08/2000	Lâm Đồng	Quản lý kinh tế	Đạt	Đạt	6.76	20.28	0		0	20.28	

kel